

QUYẾT ĐỊNH

**về công nhận kết quả trúng tuyển thi vòng 1 kỳ thi tuyển công chức, viên chức
cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội
cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4**

- Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ “sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”; Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ “sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”;

- Căn cứ Quy định số 15-QĐi/TU ngày 02/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tuyển dụng công chức, viên chức vào làm việc tại cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện”;

- Căn cứ Kế hoạch số 142-KH/TU, ngày 07/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4”;

- Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức lần thứ 4,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả trúng tuyển thi vòng 1 đối với **93** thí sinh tham dự kỳ thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh lần thứ 4 (có danh sách kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức lần thứ 4 có trách nhiệm công bố công khai công nhận kết quả trúng tuyển thi vòng 1 tại Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://www.tinhhuylquangtri.vn> để thí sinh được biết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Hội đồng thi tuyển công chức, viên chức lần thứ 4, các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- (QĐ công nhận kết quả thi vòng 1)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Nguyễn Đăng Quang



TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Trị, ngày 13 tháng 7 năm 2020

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÒNG 1

kỳ thi tuyển công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội
cấp tỉnh, cấp huyện lần thứ 4

(kèm theo Quyết định số 1843/QĐ/TU ngày 13/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
1	002	Phạm Thị Tiên An	07/08/1994	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	25	83.33	26	86.67	43	71.67	Đạt	
2	004	Nguyễn Tuấn Anh	20/01/1990	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	25	83.33	22	73.33	33	55.00	Đạt	
3	006	Nguyễn Công Nữ Quỳnh	19/3/1997	Kế toán Báo Quảng Trị	26	86.67	26	86.67	38	63.33	Đạt	
4	008	Nguyễn Đức Tú Anh	14/7/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Vĩnh Linh	30	100.00	24	80.00	45	75.00	Đạt	
5	012	Trần Thị Ánh	09/05/1993	Kế toán Báo Quảng Trị	25	83.33	20	66.67	41	68.33	Đạt	
6	014	Nguyễn Trần Vi Ba	02/11/1997	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	23	76.67	29	96.67	37	61.67	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
7	016	Nguyễn Tăng Cảnh	24/7/1992	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	22	73.33	18	60.00	46	76.67	Đạt	
8	017	Trần Thị Minh Châu	11/03/1993	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	22	73.33	19	63.33	31	51.67	Đạt	
9	018	Phan Kim Chi	11/02/1996	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	21	70.00	29	96.67	32	53.33	Đạt	
10	020	Nguyễn Thành Chuyên	01/01/1997	Kế toán Báo Quảng Trị	18	60.00	24	80.00	33	55.00	Đạt	
11	021	Đường Gia Công	04/03/1993	Chuyên viên Thị đoàn Quảng Trị	25	83.33	19	63.33	39	65.00	Đạt	
12	023	Trần Thị Mỹ Diễm	08/07/1996	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	17	56.67	21	70.00	31	51.67	Đạt	
13	028	Nguyễn Kiều Dững	21/7/1993	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Đakrông	27	90.00			36	60.00	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ
14	029	Nguyễn Thị Thùy Dương	09/09/1993	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	16	53.33	17	56.67	39	65.00	Đạt	
15	030	Trần Thị Duyên	01/06/1991	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	20	66.67	27	90.00	34	56.67	Đạt	
16	031	Nguyễn Linh Giang	02/04/1991	Kế toán cơ quan Huyện ủy Vĩnh Linh	20	66.67	25	83.33	36	60.00	Đạt	
17	033	Lê Hoàng Giang	29/5/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Cam Lộ	19	63.33	20	66.67	30	50.00	Đạt	
18	034	Lê Đông Giang	08/03/1991	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	22	73.33			42	70.00	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ
19	035	Nguyễn Thị Minh Hà	15/5/1991	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	20	66.67	25	83.33	48	80.00	Đạt	
20	037	Hồ Thị Thu Hà	22/02/1993	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, Trường Chính trị Lê Duẩn	22	73.33	18	60.00	43	71.67	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
21	043	Nguyễn Lệ Hằng	11/02/1989	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hướng Hóa	28	93.33			46	76.67	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ
22	045	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/02/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	29	96.67	22	73.33	32	53.33	Đạt	
23	046	Nguyễn Thị Dịu Hiền	20/6/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đakrông	23	76.67			42	70.00	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ
24	049	Võ Thị Lệ Hòa	14/12/1992	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	25	83.33	21	70.00	38	63.33	Đạt	
25	051	Hoàng Dương Hòa	16/5/1990	Chuyên viên Công nghệ thông tin, Văn phòng Tỉnh ủy			18	60.00	30	50.00	Đạt	Miễn thi Tin học
26	053	Ngô Thị Hoài	29/8/1988	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ kiêm tạp vụ cơ quan Huyện ủy Gio Linh	30	100.00	18	60.00	45	75.00	Đạt	
27	057	Nguyễn Thị Lan Hương	12/10/1997	Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhì, trường học, Tỉnh đoàn	22	73.33	22	73.33	35	58.33	Đạt	
28	059	Hoàng Minh Hữu	20/8/1997	Chuyên viên Thành đoàn Đông Hà	22	73.33	17	56.67	39	65.00	Đạt	
29	062	Đặng Thị Huyền	30/3/1993	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	19	63.33	16	53.33	39	65.00	Đạt	
30	068	Trương Thị Mỹ Lanh	10/10/1992	Chuyên viên LĐLĐ huyện Hải Lăng	17	56.67	18	60.00	48	80.00	Đạt	
31	069	Võ Thị Như Lệ	15/8/1996	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	22	73.33	28	93.33	41	68.33	Đạt	
32	070	Nguyễn Thị Lệ	25/02/1994	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	26	86.67	17	56.67	31	51.67	Đạt	
33	071	Trần Thị Kim Liên	22/5/1992	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	24	80.00	19	63.33	39	65.00	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
34	072	Đỗ Hoàng Thùy Linh	15/6/1996	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	16	53.33	21	70.00	46	76.67	Đạt	
35	074	Nguyễn Thị Mỹ Linh	27/02/1984	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cam Lộ	22	73.33	24	80.00	45	75.00	Đạt	
36	075	Hoàng Thị Diệu Linh	02/01/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Cam Lộ	22	73.33	28	93.33	49	81.67	Đạt	
37	077	Trần Hồng Lĩnh	20/5/1987	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	28	93.33	21	70.00	35	58.33	Đạt	
38	080	Nguyễn Thị Loan	25/3/1994	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	24	80.00	23	76.67	46	76.67	Đạt	
39	081	Nguyễn Xuân Lộc	02/08/1985	Kế toán Báo Quảng Trị	20	66.67	19	63.33	42	70.00	Đạt	
40	084	Đào Thị Lý	01/01/1993	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	16	53.33	15	50.00	37	61.67	Đạt	
41	085	Vũ Thị Mai	05/12/1989	Kế toán Trung tâm BDCT huyện Hướng Hóa	28	93.33	16	53.33	34	56.67	Đạt	
42	086	Nguyễn Thị Na	04/03/1992	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	15	50.00	17	56.67	33	55.00	Đạt	
43	089	Trương Thị Năm	09/10/1997	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	19	63.33	15	50.00	40	66.67	Đạt	
44	090	Diệp Thị Thúy Nga	01/07/1991	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	22	73.33	22	73.33	31	51.67	Đạt	
45	091	Nguyễn Quỳnh Nga	03/07/1991	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Cam Lộ	23	76.67	22	73.33	47	78.33	Đạt	
46	096	Phan Thị Thu Nguyên	06/06/1993	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	26	86.67	24	80.00	41	68.33	Đạt	
47	098	Đoàn Thị Hiếu Nhã	07/02/1993	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	25	83.33	25	83.33	37	61.67	Đạt	
48	100	Trần Thụy Minh Nhật	20/9/1992	Kế toán Trung tâm BDCT huyện Hướng Hóa	20	66.67	18	60.00	30	50.00	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1								
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú	
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %			
49	105	Hồ Thị Yến	Nhi	10/09/1996	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đakrông	24	80.00	26	86.67	34	56.67	Đạt	
50	108	Lê Chí	Nhuận	25/6/1994	Chuyên viên Thành đoàn Đông Hà	19	63.33	23	76.67	32	53.33	Đạt	
51	109	Hồ Thị Tuyết	Nhung	30/10/1988	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	19	63.33	19	63.33	40	66.67	Đạt	
52	111	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	16/6/1987	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	22	73.33	26	86.67	40	66.67	Đạt	
53	112	Trần Thị Tuyết	Nhung	26/3/1996	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	16	53.33	16	53.33	43	71.67	Đạt	
54	115	Trần Thị Kiều	Oanh	06/01/1994	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	21	70.00	23	76.67	46	76.67	Đạt	
55	118	Trần Thị Diễm	Phúc	21/02/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	19	63.33	16	53.33	34	56.67	Đạt	
56	120	Nguyễn Hữu	Phước	15/6/1991	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	20	66.67	23	76.67	36	60.00	Đạt	
57	121	Phan Thị Ngọc	Phương	25/8/1993	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	25	83.33	24	80.00	51	85.00	Đạt	
58	123	Trần Thị Ngọc	Phương	19/9/1996	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	20	66.67	22	73.33	35	58.33	Đạt	
59	125	Trần Thị Hoài	Phương	29/4/1994	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Cam Lộ	24	80.00	21	70.00	48	80.00	Đạt	
60	128	Nguyễn Thị Thúy	Phương	25/4/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Cam Lộ	24	80.00	25	83.33	43	71.67	Đạt	
61	133	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	26/7/1988	Chuyên viên UBMTTQVN huyện Cam Lộ	26	86.67	17	56.67	39	65.00	Đạt	
62	134	Cao Thanh	Son	04/03/1991	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	26	86.67	25	83.33	44	73.33	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
63	137	Hoàng Kim Thanh Tâm	25/6/1988	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, Trưởng Chính trị Lê Duẩn	20	66.67	23	76.67	31	51.67	Đạt	
64	139	Nguyễn Thị Thắm	01/08/1989	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Đakrông	18	60.00	17	56.67	42	70.00	Đạt	
65	141	Phạm Thị Hải Thành	12/04/1991	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	23	76.67	23	76.67	30	50.00	Đạt	
66	142	Hoàng Lê Phương Thảo	27/3/1993	Kế toán cơ quan Huyện ủy Vĩnh Linh	23	76.67	30	100.00	47	78.33	Đạt	
67	143	Nguyễn Thị Thu Thảo	16/6/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Triệu Phong	23	76.67	23	76.67	44	73.33	Đạt	
68	144	Phạm Phương Thảo Thảo	02/05/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Đakrông	25	83.33	26	86.67	50	83.33	Đạt	
69	145	Hồ Phú Thiện	14/01/1997	Chuyên viên Ban Xây dựng Đoàn, Tỉnh đoàn	24	80.00	27	90.00	39	65.00	Đạt	
70	146	Văn Viết Diệu Thiện	14/8/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	22	73.33	20	66.67	31	51.67	Đạt	
71	147	Hồ Thị Xuân Thịnh	26/03/1997	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	21	70.00	23	76.67	39	65.00	Đạt	
72	149	Phan Thị Thư	01/06/1991	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	20	66.67	21	70.00	38	63.33	Đạt	
73	155	Nguyễn Thị Thương	01/11/1987	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đakrông	19	63.33			38	63.33	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ
74	159	Trần Thị Thu Thủy	23/9/1991	Kế toán cơ quan Huyện ủy Vĩnh Linh	20	66.67	24	80.00	49	81.67	Đạt	
75	160	Lê Thị Thủy Tiên	04/11/1991	Chuyên viên LĐLĐ huyện Hải Lăng	23	76.67	25	83.33	49	81.67	Đạt	
76	161	Hồ Anh Tiến	18/4/1993	Chuyên viên Ban Dân vận Huyện ủy Đakrông	18	60.00			42	70.00	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %	Số câu trả lời đúng	Tỷ lệ %		
77	164	Hồ Thị Mai Trang	24/7/1993	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	18	60.00	22	73.33	31	51.67	Đạt	
78	167	Nguyễn Thị Đoan Trang	23/9/1994	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	21	70.00	28	93.33	41	68.33	Đạt	
79	170	Lê Thị Tố Trinh	28/9/1996	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	27	90.00	21	70.00	35	58.33	Đạt	
80	172	Bùi Ngọc Tú	21/01/1988	Chuyên viên Công nghệ thông tin, Văn phòng Tỉnh ủy			22	73.33	46	76.67	Đạt	Miễn thi Tin học
81	173	Nguyễn Thị Thanh Tú	17/9/1997	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hướng Hóa	23	76.67	16	53.33	34	56.67	Đạt	
82	176	Lê Anh Tuấn	25/9/1996	Chuyên viên Ban Thanh thiếu nhi, trường học, Tỉnh đoàn	25	83.33	16	53.33	43	71.67	Đạt	
83	178	Nguyễn Thanh Tùng	20/01/1988	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hướng Hóa	24	80.00			48	80.00	Đạt	Miễn thi Ngoại ngữ
84	179	Cái Thị Cát Tường	15/02/1997	Chuyên viên Huyện đoàn Hải Lăng	19	63.33	20	66.67	36	60.00	Đạt	
85	182	Nguyễn Thị Uyên	20/3/1993	Kế toán Báo Quảng Trị	21	70.00	18	60.00	35	58.33	Đạt	
86	183	Đặng Thị Khánh Vân	21/6/1993	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Đông Hà	17	56.67	15	50.00	31	51.67	Đạt	
87	186	Phạm Thị Hà Vi	18/8/1995	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	21	70.00	15	50.00	35	58.33	Đạt	
88	187	Nguyễn Bảo Viên	19/5/1990	Chuyên viên Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	25	83.33	18	60.00	39	65.00	Đạt	
89	188	Lê Thị Ngọc Viễn	15/02/1995	Chuyên viên Huyện đoàn Gio Linh	26	86.67	21	70.00	44	73.33	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh đăng ký thi tuyển	Kết quả thi tuyển vòng 1							
					Tin học		Ngoại ngữ		Kiến thức chung		Kết quả	Ghi chú
					<i>Số câu trả lời đúng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số câu trả lời đúng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số câu trả lời đúng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>		
90	189	Hoàng Vũ	19/7/1997	Chuyên viên Ban Công tác cơ sở, LĐLĐ tỉnh	18	60.00	26	86.67	38	63.33	Đạt	
91	190	Hoàng Thị Hà Vy	06/07/1997	Chuyên viên Ban Phong trào thanh niên, Tỉnh đoàn	18	60.00	23	76.67	33	55.00	Đạt	
92	192	Nguyễn Thị Lập Xuân	04/02/1996	Chuyên viên Ban Xây dựng Đoàn, Tỉnh đoàn	25	83.33	26	86.67	45	75.00	Đạt	
93	193	Lê Thị Yên	10/08/1990	Chuyên viên Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	19	63.33	18	60.00	42	70.00	Đạt	